

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



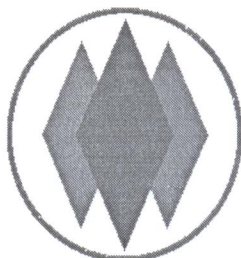
VNECO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 4 NĂM 2011**

(KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2011)

THÁNG 02 NĂM 2012

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



VNECO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 4 NĂM 2011**

(KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2011)

THÁNG 02 NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(QUÝ 4 NĂM 2011 - DẠNG ĐẦY ĐỦ)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 31/12/2011)	Số đầu năm (ngày 01/01/2011)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.036.662.446.672	1.076.202.562.382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		55.571.024.743	92.342.564.858
1. Tiền	111	V.01	39.876.371.736	24.652.804.858
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.694.653.007	67.689.760.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.101.875.249	10.034.431.430
1. Đầu tư ngắn hạn	121		24.403.527.299	12.507.711.655
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(11.301.652.050)	(2.473.280.225)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		787.526.693.029	830.201.682.656
1. Phải thu của khách hàng	131		131.609.110.614	157.705.569.276
2. Trả trước cho người bán	132		196.192.964.439	167.442.759.903
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	466.936.816.990	512.049.104.182
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(7.212.199.014)	(6.995.750.705)
IV. Hàng tồn kho	140		121.164.946.125	99.193.524.944
1. Hàng tồn kho	141	V.04	121.164.946.125	99.193.524.944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.297.907.526	44.430.358.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.205.311.529	1.377.912.006
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.337.303.022	5.129.976.207
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		47.755.292.975	37.922.470.281
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		891.611.908.176	743.513.189.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.942.897.346	6.034.374.051
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	3.107.897.346	6.199.374.051
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(165.000.000)	(165.000.000)
II. Tài sản cố định	220		819.828.431.116	616.988.646.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	223.891.016.741	236.137.989.538
- Nguyên giá	222		334.551.177.895	332.919.490.393
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(110.660.161.154)	(96.781.500.855)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	94.889.526.606	93.404.755.587
- Nguyên giá	228		95.484.078.363	93.980.078.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(594.551.757)	(575.322.776)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	501.047.887.769	287.445.900.926
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.255.545.658	107.411.844.612
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.099.886.917	52.815.767.050
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	32.466.230.937	58.502.537.562
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(17.310.572.196)	(3.906.460.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.585.034.056	13.078.324.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	13.204.125.292	12.064.756.719
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262		14.380.908.764	1.013.567.868
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1.928.274.354.848	1.819.715.751.683

Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 31/12/2011)	Số đầu năm (ngày
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		1.221.798.661.247	1.103.643.899.815
I. Nợ ngắn hạn	310		548.126.364.182	364.645.470.429
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	100.427.356.729	56.524.526.200
2. Phải trả người bán	312		84.611.053.061	100.485.448.801
3. Người mua trả tiền trước	313		26.890.069.454	27.280.814.138
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	10.008.873.477	12.500.907.519
5. Phải trả người lao động	315		19.742.858.190	11.251.386.755
6. Chi phí phải trả	316	V.17	255.264.321.351	101.957.146.841
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	35.487.901.293	37.752.448.759
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		7.922.222.965	6.961.556.626
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			7.771.707.662	9.931.234.790
II. Nợ dài hạn	330		673.672.297.065	738.998.429.386
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	673.266.868.203	738.160.568.203
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		250.840.135	289.696.909
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	468.164.274
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		154.588.727	80.000.000
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		640.469.744.959	646.893.463.320
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	640.469.744.959	646.893.463.320
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		637.210.610.000	637.210.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.754.320.931	2.751.236.556
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		825.688.661	1.500.578.449
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(33.764.217.322)	(28.671.591.329)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		14.834.331	(6.138.666)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.314.073.643	5.673.490.640
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.219.552.975	9.865.074.464
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.894.881.740	18.570.203.206
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		66.005.948.642	69.178.388.548
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1.928.274.354.848	1.819.715.751.683

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng



TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 0511 3562361 Fax: 0511 3562367

Mẫu số B02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN
(DẠNG ĐẦY ĐỦ - QUÝ 4 NĂM 2011)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T.M	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	241.606.353.100	105.286.826.482	532.981.894.724	307.285.411.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		24.493.473	0	83.738.530	375.617.000
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	V.27	241.581.859.627	105.286.826.482	532.898.156.194	306.909.794.465
4. Giá vốn hàng bán	11	V.28	173.674.323.808	82.629.434.139	398.204.475.677	241.783.296.019
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		67.907.535.819	22.657.392.343	134.693.680.517	65.126.498.446
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	3.797.922.128	11.405.609.758	21.735.603.477	58.533.870.279
7. Chi phí tài chính	22	V.30	29.347.583.261	23.461.669.676	98.198.241.175	87.332.073.545
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.756.795.146	20.358.788.288	67.954.905.205	80.068.240.012
8. Chi phí bán hàng	24		391.216.567	468.047.916	1.803.850.292	1.760.512.381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.333.461.740	19.228.641.932	40.181.657.037	44.539.340.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.633.196.379	(9.095.357.423)	16.245.535.490	(9.971.557.844)
11. Thu nhập khác	31		2.053.219.223	26.817.928.961	4.630.159.460	120.034.600.461
12. Chi phí khác	32		354.983.471	19.492.674.304	2.021.352.908	87.803.290.725
13. Lợi nhuận khác	40		1.698.235.752	7.325.254.657	2.608.806.552	32.231.309.736
14. Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(3.599.047.313)	(1.218.898.213)	(9.073.833.591)	1.489.110.552
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.732.384.818	(2.989.000.979)	9.780.508.451	23.748.862.444
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1.931.157.302	2.689.745.999	2.470.507.207	7.426.581.578
16.1. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(13.026.736.742)	(882.595.112)	(13.424.591.848)	(1.013.567.868)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.827.964.258	(4.796.151.866)	20.734.593.092	17.335.848.734
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		650.561.616	(1.536.667.810)	(1.168.138.990)	(1.405.486.676)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		36.177.402.642	(3.259.484.056)	21.902.732.082	18.741.335.410
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.32	585,74	(51,49)	354,62	296,04

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng



TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

Tel: 0511 3562361

Fax: 0511 3562367

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 4 NĂM 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			(Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011)	(Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		471.806.639.140	363.754.770.385
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(550.858.512.614)	(277.484.641.539)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(39.806.626.970)	(38.194.723.116)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(59.034.040.625)	(113.223.674.877)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(4.037.333.614)	(7.712.354.737)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		45.851.360.130	(26.012.180.994)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(138.670.250.804)	(74.561.858.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		(274.748.765.357)	(173.434.663.130)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(78.485.023.881)	(88.336.317.123)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		200.355.373.007	213.220.047.343
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.794.914.314)	(26.096.291.920)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.615.121.300	79.321.232.032
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.588.626.060)	(40.990.647.858)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.388.417.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.361.015.510	6.030.837.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		108.462.945.562	144.537.277.085
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		184.315.640.000	307.715.800.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		(3.729.618.048)	(7.039.440.349)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		169.840.687.365	174.211.365.677
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(200.719.161.473)	(412.273.258.126)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.217.929.170)	(18.282.166.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		129.489.618.674	44.332.300.978
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(36.796.201.121)	15.434.914.933
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92.342.564.858	76.818.127.864
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.661.006	89.492.061
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	55.571.024.743	92.342.534.858

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây được viết tắt là “Tổng công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005. đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2007.

Ngày 06 tháng 08 năm 2009 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3.

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam có tên giao dịch:

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO

Địa chỉ trụ sở chính : Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

Website

: www.vneco.com.vn

: www.vneco.biz

E-mail

: vneco@dng.vnn.vn

: vneco@vneco.com.vn

Logo

:



VNECO

Cơ cấu Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

- Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm 09 đơn vị:

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 31/12/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 31/12/2011
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	11.219.270.000	46,28%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 ^l	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	18.000.000.000	54,15%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5.	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6.	Công ty CP Kết cấu thép & Mạ kẽm MÊCA.VNECO	Huyện Nhà bè - Tp.HCM	90.075.000.000	70,05%
7.	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.900.000.000	90,44%
8.	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Công ty CP Đầu tư và XD Điện Hối Xuân VNECO Huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa 249.669.000.000 99,33%

- Công ty liên con không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Huế do Tổng Công ty đang hoàn thiện thủ tục xúc tiến đầu tư và chưa góp vốn.

- Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm 6 đơn vị:**

Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 31/12/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 31/12/2011
1. Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
2. Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
3. Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	43,91%
4. Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
5. Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
6. Công ty CP xây dựng điện VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%

Công ty liên kết không áp dụng theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có

Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty vào công ty con, công ty liên kết.

❖ **Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Tổng công ty**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2011 đến 31/12/2011 và tới ngày lập Báo cáo này gồm:

- Hội đồng quản trị:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên
Ông Phan Anh Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Ủy viên
Ông Phan Tất Trung	Ủy viên
Ông Thái Văn Chấn	Ủy viên

- Ban Lãnh đạo:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ông Ngô Văn Cường

Phó Tổng giám đốc

Ông Phan Anh Quang

Kế toán trưởng

❖ Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

Ông: Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

❖ Thành phần Ban kiểm soát Tổng công ty:

Ông Đào Hữu Chuộng

Trưởng Ban

Ông Lê Thanh Nhã

Thành viên

Bà Thái Thị Thùy Trang

Thành viên

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 31/12/2011 là 637.210.610.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm mười ngàn đồng).

Tại ngày 14/03/2011, thời điểm chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền bỏ phiếu họp đại hội cổ đông thường niên 2011, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

- ✓ Nhà nước đóng góp số tiền là 189.000.000.000 đồng tương đương 29,66% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ phiếu ngân quỹ 9.789.200.000 đồng tương đương với 1,54% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông khác góp 438.421.410.000 đồng tương đương với 68,80% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ: 98,71% vốn điều lệ.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ: 1,29% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị; đầu tư tài chính; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng; Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;

Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;

Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

Đầu tư tài chính;

Sản xuất và kinh doanh điện;

Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;

Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;

Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;

Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;

Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006; Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- TSCĐ vô hình không phải là quyền sử dụng đất lâu dài được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thời gian sử dụng ước tính của từng tài sản; đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu; các khoản đầu tư tài chính khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư có tổn thất Tổng công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

Chi phí đi vay phục vụ các công trình xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị được vốn hóa vào giá trị công trình đầu tư khi đủ điều kiện vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm lợi thế thương mại của Tổng công ty; chi phí đào tạo và công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; khoản đã được các đơn vị nhận thi công, các đơn vị thầu phụ ghi nhận vào chi phí của công trình nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục để thanh toán với Tổng công ty. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Trích trước chi phí sửa chữa lớn: Nhằm đảm bảo giá thành ổn định giữa các kỳ trong năm tài chính căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt, cuối năm tài chính nếu số trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì chênh lệch trích thừa được hoàn nhập giảm chi phí trong năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu dịch vụ: được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 14 - doanh thu và thu nhập khác. Đối với phần công việc hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu hoạt động xây lắp: được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy; căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Tổng công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản doanh thu tiền lãi trong kỳ kế toán, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ kế toán và cổ tức, lợi nhuận được chia.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	3.110.568.304	1.930.012.506
Tiền gửi ngân hàng	36.765.803.432	22.567.812.352
Tiền đang chuyển	-	154.980.000
Các khoản tương đương tiền ^(*)	15.694.653.007	67.689.760.000
Cộng	55.571.024.743	92.342.564.858

(*)- Các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn tại NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	30.000.000.000
Tiền ủy thác quản lý vốn đầu tư tại Công ty CP Chứng khoán Châu á Thái Bình Dương (APEC)	15.694.653.007	37.689.760.000
Cộng	15.694.653.007	67.689.760.000

2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn ^(a)	24.403.527.299	12.507.711.655
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn ^(b)	(11.301.652.050)	(2.473.280.225)
Cộng	13.101.875.249	10.034.431.430

(a)- Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	24.038.929.717	8.323.828.493
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	1.151.852	1.151.852
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	213.445.730	2.232.731.310
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư ngắn hạn khác	150.000.000	150.000.000
Công ty CP XD Điện Hời Xuân VNECO đầu tư ngắn hạn khác	-	1.800.000.000
Cộng	24.403.527.299	12.507.711.655

(b)- Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(94.445.730)	(414.841.310)
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO - Dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	(24.622.440)
Công ty mẹ - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(11.207.206.320)	(2.033.816.475)
Cộng	(11.301.652.050)	(2.473.280.225)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.166.457.290	1.707.488.496
Kinh phí công đoàn	-	2.561.271
Phải thu khác các công ty liên kết trong tổ hợp	36.346.366.488	35.802.085.762
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	58.392.510	385.007.908
Phải thu khác (*)	429.365.600.702	474.151.960.745
Cộng	466.936.816.990	512.049.104.182

(*) Các khoản phải thu khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Các khoản thu khác tại Công ty mẹ	410.108.767.763	466.476.089.627
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thùy Vân	182.520.858.333	182.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
Lý Quốc Cường	3.100.601.109	3.100.601.109
Ban QLDA các công trình Điện Miền Bắc làm chủ đầu tư)	53.402.169.497	9.708.882.356
Phải thu cổ tức tại các đơn vị trong tổ hợp	-	3.373.058.224
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	102.496.613.343	48.343.771
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	20.953.529.666	20.824.454.816
Tổng cục kỹ thuật Bộ Công An	-	2.590.000.001
Công ty TNHH Huawei	4.682.687.222	4.682.687.222
Ban QLDA Thủy điện 7 (công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak)	236.579.065	698.338.698
Ngô Kim Huệ	-	200.000.000.000
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	5.665.822.222
Công ty CP Xây lắp Điện 1	3.281.767.995	4.257.738.031
Công ty cổ phần Thành Long	6.026.658.119	-
Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	8.000.000.000	-
Công ty Quản lý và khai thác Đất Đà Nẵng	952.585.920	-
Đối tượng khác	1.635.001.948	6.185.589.298
- Các khoản thu khác tại các Công ty con	19.256.832.939	7.675.871.118
Cộng	429.365.600.702	474.151.960.745

4 - Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.634.544.112	22.528.916.900
Công cụ, dụng cụ	800.726.419	877.150.093
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.986.437.633	54.677.153.690
Thành phẩm	22.659.024.799	18.445.839.661
Hàng hóa	3.053.417.703	2.660.306.681
Hàng gửi đi bán	30.795.459	4.157.919
Cộng giá gốc hàng tồn kho	121.164.946.125	99.193.524.944

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7 - Phải thu dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	3.080.795.719	6.172.272.424
Phải thu dài hạn khác	27.101.627	27.101.627
Cộng	3.107.897.346	6.199.374.051

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	248.783.014.501	38.213.014.908	35.639.818.017	10.283.642.967	332.919.490.393
Tăng trong kỳ	1.147.100.892	14.791.014.542	1.099.114.547	545.221.908	17.582.451.889
- Đầu tư XDCB hoàn thành	327.282.015	-	-	-	327.282.015
- Đầu tư mua sắm mới	819.818.877	1.257.137.380	1.099.114.547	545.221.908	3.721.292.712
- Tăng khác	-	13.533.877.162	-	-	13.533.877.162
Giảm trong kỳ	9.040.326.526	372.977.733	6.124.764.932	412.695.196	15.950.764.387
- Thanh lý, nhượng bán	91.166.064	372.977.733	1.276.491.328	125.000.000	1.865.635.125
- Giảm khác	8.949.160.462	-	4.848.273.604	287.695.196	14.085.129.262
Tại 31/12/2011	240.889.788.867	52.631.051.717	30.614.167.632	10.416.169.679	334.551.177.895
HAO MÒN					
Tại 01/01/2011	32.113.575.025	38.202.764.379	22.807.896.262	3.657.265.189	96.781.500.855
Tăng trong kỳ	9.287.593.792	4.152.952.515	3.872.294.454	533.924.430	17.846.765.191
- Khấu hao trong kỳ	8.088.507.160	4.152.952.515	3.016.079.555	505.766.268	15.763.305.498
- Tăng khác	1.199.086.632	-	856.214.899	28.158.162	2.083.459.693
Giảm trong kỳ	415.485.692	2.134.186.561	1.188.778.262	229.654.377	3.968.104.892
- Thanh lý, nhượng bán	91.166.064	372.312.903	1.188.778.262	125.000.000	1.777.257.229
- Giảm khác	324.319.628	1.761.873.658	-	104.654.377	2.190.847.663
Tại 31/12/2011	40.985.683.125	40.221.530.333	25.491.412.454	3.961.535.242	110.660.161.154
GT CÒN LẠI TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	216.669.439.476	10.250.529	12.831.921.755	6.626.377.778	236.137.989.538
Tại 31/12/2011	199.904.105.742	12.409.521.384	5.122.755.178	6.454.634.437	223.891.016.741

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VH				
Tại 01/01/2011	93.340.691.503	50.086.320	589.300.540	93.980.078.363
Tăng trong kỳ	1.504.000.000	-	-	1.504.000.000
- Mua trong kỳ	1.504.000.000	-	-	1.504.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	94.844.691.503	50.086.320	589.300.540	95.484.078.363
HAO MÒN				
Tại 01/01/2010	0	50.086.320	525.236.456	575.322.776
Tăng trong kỳ	-	-	19.228.981	19.228.981
- Khấu hao trong kỳ	-	-	19.228.981	19.228.981
- Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	-	50.086.320	544.465.437	594.551.757
GT CÒN LẠI TSCĐ VH				
Tại 01/01/2010	93.340.691.503	-	64.064.084	93.404.755.587
Tại 31/12/2011	94.844.691.503	-	44.835.103	94.889.526.606

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	501.047.887.769	287.445.900.926
Cộng	501.047.887.769	287.445.900.926

(*) Trong đó một số công trình lớn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lãng Cô (VNECO)	10.730.422.298	9.577.903.648
- DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoàng Sơn (VNECO)	3.180.800.421	3.144.900.421
- DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế (VNECO)	109.163.199.597	26.141.361.420
- Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng) (VNECO)	48.215.293.065	45.160.955.377
- Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Hồ Chí Minh (VNECO)	52.648.457.644	40.614.835.177

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Dự án xây dựng tại 277 Bến Bình Đông (MÊCA VNECO)	97.944.334.866	90.538.120.200
- Dự án Nhà máy Thủy Điện Hồi Xuân	178.134.061.492	66.962.985.017
- Một số dự án khác	1.031.318.386	5.304.839.666
Cộng	501.047.887.769	287.445.900.926

13 - Đầu tư dài hạn khácĐầu tư cổ phiếu^(a)Đầu tư trái phiếu^(b)**Cộng****31/12/2011****VND**

32.466.230.937

01/01/2011**VND**

58.502.537.562

-

-

32.466.230.937**58.502.537.562****(a) Đầu tư cổ phiếu****31/12/2011****VND**

6.517.000.000

01/01/2011**VND**

6.517.000.000

Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Thủy điện Sông Chò

Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1

- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9

- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM

- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP KC Thép Thành Long VINECO

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP CP Tư vấn và Xây dựng VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba

Cộng**32.466.230.937****58.502.537.562****14 - Chi phí trả trước dài hạn**

Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí đào tạo

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng**31/12/2011****VND**

5.072.238.853

440.314.987

7.691.571.452

13.204.125.292**01/01/2011****VND**

5.926.431.342

1.518.714.987

4.619.610.390

12.064.756.719

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15 - Vay và nợ ngắn hạnVay ngắn hạn ngân hàng^(*)**Cộng****31/12/2011****VND**

100.427.356.729

100.427.356.729**01/01/2011****VND**

56.524.526.200

56.524.526.200**(*) Vay ngắn hạn ngân hàng****31/12/2011****VND****67.456.221.364****01/01/2011****VND****14.977.125.583****Công ty mẹ vay:**

+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân

38.102.649.235

8.245.709.819

+ Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng

14.536.466.734

3.160.224.676

+ Tại Ngân hàng CPTM Công thương Liên Chiểu

13.207.783.507

3.571.191.088

+ Tại Ngân hàng TMCP An Bình

1.609.321.888

-

Các Công ty con vay:**32.971.135.365****41.547.400.617**

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3

400.000.000

1.196.895.002

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8

9.892.000.000

9.120.000.000

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12

16.683.415.479

11.660.683.561

+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện MẾCA VNECO

-

14.000.000.000

+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO

4.364.872.298

2.089.639.395

+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

390.000.000

680.000.000

+ Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

1.240.847.588

1.779.139.573

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4

-

1.021.043.086

Cộng**100.427.356.729****56.524.526.200****16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****31/12/2011****VND**

5.639.778.268

01/01/2011**VND**

6.086.087.796

Thuế giá trị gia tăng

Thuế tiêu thụ đặc biệt

20.600.043

15.562.097

Thuế thu nhập doanh nghiệp

3.782.447.691

6.059.521.113

Thuế thu nhập cá nhân

82.283.645

83.150.982

Thuế nhà đất

483.763.830

256.585.531

Cộng**10.008.873.477****12.500.907.519****17 - Chi phí phải trả****31/12/2011****VND**

253.166.402.074

01/01/2011**VND**

101.010.824.597

Chi phí trích trước cho các công trình^(a)Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả^(b)

2.097.919.277

580.957.803

Chi phí phải trả khác^(c)

-

365.364.441

Cộng**255.264.321.351****101.957.146.841**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(a) Chi phí trích trước cho các công trình	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công mạng truyền hình nhà công vụ số 8 Bạch Đằng T26	498.687.000	498.687.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Camera Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn	65.936.364	65.936.364
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT mạng tổng đài điện thoại Ngân hàng NN&PTNT, CN Chợ Cồn	278.624.727	278.624.727
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Mạng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng	28.580.419	28.580.419
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 12.3)	-	1.081.537.388
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 13.1)	2.589.451.539	1.096.192.020
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 5.3)	369.942.250	4.077.277.692
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 7.1)	3.772.968.693	7.254.303.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Phú Mỹ - Sông mây	10.222.970.993	11.190.446.979
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV NMT Cà Mau - Rạch Giá	350.992.557	227.445.405
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	477.415.323	10.700.140.062
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kV Đắk Nông	2.096.382.664	2.633.473.881
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Trạm BA 200kV Phan Thiết	1.526.319.291	752.717.662
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Thuỷ điện An Khê - Ka Nak	706.888.473	2.368.104.108
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng lắp đặt HT cột ăngten Huawei	1.222.167.657	900.000.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Khu cao ốc K/ sạn Văn Phòng 223 Trần Phú ĐN	1.767.100.068	1.767.100.068
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Công trình Thuỷ điện A Roàng - Thừa Thiên Huế	595.545.455	615.080.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công cụm DATD Quảng Nam	403.347.273	403.347.273
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công hạ tầng KDC Nguyễn Chánh	232.190.434	1.277.147.948
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp cột thép cho dự án Huawei	229.405.471	229.405.471
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp lắp đặt HT TĐài, ĐT, MMT, AT NHà Nông Nghiệp Q. Hải Châu	473.600.693	473.600.693
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Cay Lậy - Trà Nóc	3.140.810.494	4.132.268.129
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công DA Thuỷ Điện Hồi Xuân	109.792.104.610	42.253.247.868
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	11.219.056.591	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công TBA 500kV Thành Mỹ	2.976.693.093	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220Kv Bản Lả - Vinh (từ G76-ĐC và MR, HĐ 43)	1.500.000.000	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Vũng áng - Hà Tĩnh (lô 6.4)	8.525.197.740	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Vũng áng - Hà Tĩnh (lô 6.2)	11.557.476.231	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Thanh Hóa - Vinh	24.448.485.844	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Pleiku - Phốc Mỹ - Cầu Bông	42.947.775.191	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công TBA 500kv Ô Môn	5.000.000.000	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng tại Khách sạn Xanh Đà Nẵng	7.611.189	-
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	128.047.772	8.171.373
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	762.147.771	660.450.890
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	-	96.106.405
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	936.503.498	690.472.532
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	1.600.640.206	1.663.025.808
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Meca VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	-	1.633.745.432
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hối Xuân VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	715.334.500	1.954.188.000
Cộng	253.166.402.074	101.010.824.597

(b) Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	2.097.919.277	344.679.111
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	-	150.691.052
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MEECA VNECO dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	-	80.000.000
- Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	-	5.587.640
Cộng	2.097.919.277	580.957.803

(c) Chi phí phải trả khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả thù lao HĐQT và thù lao Ban kiểm soát	-	61.200.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 trích trước tiền nhân công	-	304.164.441
Cộng	-	365.364.441

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18 - Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.212.484.693	890.766.581
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.611.540.679	1.585.354.196
Cổ tức phải trả	6.610.066	1.409.709.511
Phải trả về cổ phần hóa	1.595.560.000	1.595.560.000
Các khoản phải trả khác ^(*)	31.061.705.855	32.271.058.471
Cộng	35.487.901.293	37.752.448.759

(*) Các khoản phải trả khác:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại Công ty mẹ:	26.802.101.771	28.968.573.171
Phải trả khoản lãi phát hành trái phiếu DN	12.828.472.221	12.687.500.001
Nhận tiền góp vốn vào dự án khu đất phân lô Nguyễn Chánh, TP Đà Nẵng	315.066.647	339.087.009
Phải trả tiền đền bù các công trình cho Ban QL các Công trình Điện miền Trung	123.955.043	73.192.203
Phải trả cho các Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	12.002.774.357	15.272.831.900
Cổ tức phải trả năm 2010 cho cổ đông theo NQĐHĐCĐ năm 2011	884.817.920	-
Phải trả, phải nộp khác	647.015.583	595.962.058
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại các Công ty con:	4.259.604.084	3.302.485.300
Cộng	31.061.705.855	32.271.058.471

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng ^(a)	173.266.868.203	238.160.568.203
Trái phiếu phát hành ^(b)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	673.266.868.203	738.160.568.203

(a) Vay dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng công ty vay	167.777.478.388	229.927.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	46.577.478.388	50.977.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	16.200.000.000	21.450.000.000
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	105.000.000.000	157.500.000.000
Các Công ty con vay	5.489.389.815	8.233.089.815
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	2.758.189.815	4.401.189.815
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	-	889.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	400.000.000	800.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	312.500.000	562.500.000
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	1.464.600.000	1.580.400.000
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO	554.100.000	-
Cộng	173.266.868.203	238.160.568.203

(b) Trái phiếu phát hành:

Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm
Mệnh giá trái phiếu:	100.000 đồng/trái phiếu
Số lượng trái phiếu phát hành:	5.000.000
Lãi suất:	10,15%/năm
Ngày phát hành:	28/9/2007
Thời hạn:	05 năm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DPTC	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LNST chưa PP	Cộng
Số dư đầu Q3/2011	637.210.610.000	2.754.320.931	777.722.404	(32.440.609.408)	0	7.682.238.510	11.153.740.126	0	(29.138.930.017)	597.999.092.546
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	5.997.333.656	5.997.333.656
- Tăng khác	0	0	0	(142.694.009)	0	0	104.524.412	0	3.182.754.713	3.144.585.116
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	18.373.716	0	0	8.656.160	0	0	0	27.029.876
Số dư cuối Q3/2011, số dư đầu Q4/2011	637.210.610.000	2.754.320.931	759.348.688	(32.583.303.417)	0	7.673.582.350	11.258.264.538	0	(19.958.841.648)	607.113.981.442
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	36.177.402.642	36.177.402.642
- Tăng khác	0	0	66.339.973	(1.180.913.905)	14.834.331	0	0	0	0	(1.099.739.601)
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	359.508.707	38.711.563	0	1.323.679.254	1.721.899.524
Số dư cuối Q4/2011	637.210.610.000	2.754.320.931	825.688.661	(33.764.217.322)	14.834.331	7.314.073.643	11.219.552.975	0	14.894.881.740	640.469.744.959

(*) Chi tiết Cổ phiếu quỹ tại 31/12/2011:

(33.764.217.322)

Tại Công ty mẹ:

(28.712.098.397)

Công ty con mua cổ phiếu Công ty Mẹ:

(4.378.853.809)

Lợi ích cổ đông Công ty mẹ trong cổ phiếu quỹ tại các Công ty liên kết:

(673.265.116)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	189.000.000.000	189.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	448.210.610.000	448.210.610.000
Cộng	637.210.610.000	637.210.610.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận đã chia

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	637.210.610.000	637.210.610.000
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	637.210.610.000	637.210.610.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d- Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
+ Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ	18.900.000	18.900.000
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.957.180	1.115.180
++ Số lượng CP Công ty mẹ mua lại	1.598.920	978.920
++ Số lượng CP các Công ty con mua lại	358.260	136.260
+ Số lượng cổ phiếu của cổ đông khác	42.863.881	43.705.881
++ Cổ phiếu phổ thông	42.863.881	43.705.881
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	61.763.881	62.605.881
++ Cổ phiếu phổ thông	61.763.881	62.605.881
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT:

Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng	14.988.757.257	5.863.427.146	32.719.776.272	63.320.119.389
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.173.332.729	14.907.752.556	70.596.931.384	54.989.057.694
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	204.821.584.716	84.435.500.330	427.538.741.262	187.916.834.580
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	1.598.184.925	80.146.450	2.042.707.276	683.782.802
Cộng	241.581.859.627	105.286.826.482	532.898.156.194	306.909.794.465
28- Giá vốn hàng bán				
- Giá vốn cung cấp hàng hóa	12.442.596.303	5.342.785.983	27.927.755.281	47.062.141.156
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	16.389.085.581	12.468.560.638	60.603.052.620	50.394.979.882
- Giá vốn hợp đồng xây lắp	144.434.846.596	64.741.778.679	308.859.838.378	144.112.593.622
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	407.795.328	76.308.839	813.829.398	213.581.359
Cộng	173.674.323.808	82.629.434.139	398.204.475.677	241.783.296.019
29- Doanh thu hoạt động tài chính				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.175.099.917	2.088.650.470	18.636.566.471	4.799.405.361
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	623.797.890	87.211.574	2.927.086.449	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.881	1.059.119	784.767	86.016.208
- Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	(992.560)	9.058.108.626	132.669.290	53.477.868.741
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	170.579.969	38.496.500	170.579.969
Cộng	3.797.922.128	11.405.609.758	21.735.603.477	58.533.870.279
30- Chi phí tài chính				
- Lãi tiền vay ^(*)	18.756.795.146	19.224.099.693	67.954.905.205	80.409.891.156
- Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	1.197.240.439	118.514.066	7.950.639.797	501.550.140
- Chiết khấu thanh toán	-	22.858.000	-	22.858.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	23.937	65.531
- Lỗ do bán chứng khoán	-	385.213.630	-	385.213.630
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	233.226.000	-	(24.960.000)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	8.805.434.473	3.441.784.833	21.654.511.983	5.749.375.895
- Chi phí tài chính khác	588.113.203	35.973.454	638.160.253	288.079.193
Cộng	29.347.583.261	23.461.669.676	98.198.241.175	87.332.073.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010

(*) Trong đó lãi tiền vay Quý 4 năm 2011 được chi tiết như sau:

	VND
- Chi phí đi vay vốn tại Công ty mẹ	12.625.060.763
- Chi phí đi vay vốn tại các Công ty con	6.131.734.383
Cộng	18.756.795.146

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.931.157.302	2.689.745.999	2.470.507.207	7.426.581.578
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.931.157.302	2.689.745.999	2.470.507.207	7.426.581.578

32- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	36.177.402.642	(3.259.484.056)	21.902.732.082	18.741.335.410
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	0	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	0	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	0	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.177.402.642	(3.259.484.056)	21.902.732.082	18.741.335.410
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	61.763.881	63.305.881	61.763.881	63.305.881
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	585,74	(51,49)	354,62	296,04

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:**3- Thông tin về các bên liên quan:**

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh giữa Công ty mẹ với các bên liên quan bao gồm:

- Tổng Công ty phải thu:

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	CÔNG TY CON	230.535.463.726	285.721.697.949	260.315.311.358	255.941.850.317
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	(246.193.363)	7.476.000	393.200.991	(631.918.354)
	Kinh phí đền bù	(344.094.288)		305.300.066	(649.394.354)
	Cổ tức phải thu	78.640.925		78.640.925	0
	Phải thu khác	19.260.000	7.476.000	9.260.000	17.476.000
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	(278.006.320)	65.000.000	161.192.100	(374.198.420)
	Kinh phí đền bù	(441.410.530)	65.000.000	92.614.700	(469.025.230)
	Cổ tức phải thu	36.124.210		0	36.124.210
	Phải thu khác	127.280.000		68.577.400	58.702.600
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	509.077.222	1.720.193.268	1.726.306.129	502.964.361
	Kinh phí đền bù	(165.415.734)	288.894.775	84.444.000	39.035.041
	Cổ tức phải thu	0	682.107.400	682.107.400	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	507.111.111	59.420.729	408.402.101	158.129.739
	Phải thu khác	167.381.845	689.770.364	551.352.628	305.799.581
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	(128.833.200)	1.695.987.000	1.729.114.200	(161.960.400)
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0			0
	Cổ tức phải thu	0	788.700.000	788.700.000	0
	Kinh phí đền bù	(128.833.200)	7.000.000	151.714.200	(273.547.400)
	Phải thu khác	0	900.287.000	788.700.000	111.587.000
5	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	9.264.031.453	15.484.678.528	18.305.581.967	6.443.128.014
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.789.493.727	224.882.644	427.366.374	1.587.009.997
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	2.648.004.933	14.898.730.277	17.340.780.775	205.954.435
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	74.974.641		74.974.641	0
	Kinh phí đền bù	292.689.712	84.537.700	61.037.700	316.189.712
	Phải thu khác	4.458.868.440	276.527.907	401.422.477	4.333.973.870
6	Cty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	41.461.039.236	97.021.498.264	37.285.832.436	101.196.705.064
	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	37.280.412.599		14	37.280.412.585
	Cổ tức phải thu	0	6.310.000.000	6.310.000.000	0
	Kinh phí đền bù	(166.435.500)	204.832.000	38396500	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.831.197.723	24.795.812.725	27.361.316.129	1.265.694.319
	Phải thu khác	515.864.414	165.478.500	650.752.714	30.590.200
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	65.545.375.039	2.925.367.079	62.620.007.960
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	137.148.161.088	23.920.806.829	16.534.295.833	144.534.672.084
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	82.838.543.660		9.884.609.292	72.953.934.368
	Phải thu khác	54.309.617.428	23.920.806.829	6.649.686.541	71.580.737.716
	Kinh phí đền bù	0			0

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
8	Công ty CP Đầu tư và thương mại VNECO Huế	248.018.874	0	0	248.018.874
	Phải thu khác	248.018.874	0	0	248.018.874
9	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	39.477.444.736	144.668.627.505	184.050.601.700	95.470.541
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	37.603.925.736		37.545.812.000	58.113.736
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.954.188.000		1.954.188.000	0
	Phải thu khác		144.537.356.805	50.601.700	144.486.755.105
	Kinh phí đến bù	(80.669.000)	131.270.700	144.500.000.000	(144.449.398.300)
10	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	3.080.724.000	1.137.430.555	129.186.002	4.088.968.553
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	3.080.724.000	1.137.430.555	129.186.002	4.088.968.553
	CÔNG TY LIÊN KẾT	33.969.027.565	53.865.278.149	65.983.842.645	21.850.463.069
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	(7.033.225.456)	11.829.584.758	14.316.333.389	(9.519.974.087)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0			0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(7.210.610.905)	11.820.058.758	13.905.629.169	(9.296.181.316)
	Kinh phí đến bù	0	0	410.704.220	(410.704.220)
	Phải thu khác	177.385.449	9.526.000	0	186.911.449
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	996.861.560	5.595.237.005	4.184.452.279	2.407.646.286
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0	0	0	0
	Kinh phí đến bù	(213.722.500)	213.722.500	0	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.004.722.222	5.333.139.859	4.047.615.795	2.290.246.286
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
	Phải thu khác	205.861.838	48.374.646	136.836.484	117.400.000
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	12.224.695.133	2.072.500.848	9.296.430.003	5.000.765.978
	Kinh phí đến bù	9.341.803	32.471.100	46.926.100	(5.113.197)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	12.193.833.333	1.374.289.130	8.592.045.369	4.976.077.094
	Phải thu khác	21.519.997	51.386.794	43.104.710	29.802.081
	Cổ tức phải thu	0	614.353.824	614.353.824	0
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.093.233.988	2.067.709.828	2.538.612.450	8.622.331.366
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	840.162.283	1.018.914.773	2.432.012.023	(572.934.967)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.757.272.222	377.250.000	0	3.134.522.222
	Kinh phí đến bù	66.630.629	20.000.000	62.668.000	23.962.629
	Phải thu khác	5.429.168.854	651.545.055	43.932.427	6.036.781.482
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
15	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	590.099.860	4.155.511.229	4.556.724.404	188.886.685
	Kinh phí đến bù	30.975.915	0	0	30.975.915
	Cổ tức phải thu	0	480.000.000	480.000.000	0
	Phải thu khác	559.123.945	562.586.825	963.800.000	157.910.770
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	3.112.924.404	3.112.924.404	0
16	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	18.097.362.480	28.144.734.481	31.091.290.120	15.150.806.841
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(2.438.930.389)	20.268.592.341	24.017.452.794	(6.187.790.842)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.238.950.034	438.830.556	1.603.938.923	1.073.841.667

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	6.172.272.424	0	3.091.476.705	3.080.795.719
	Kinh phí đến bù	32.268.888	0	0	32.268.888
	Phải thu khác	12.092.801.523	7.437.311.584	2.378.421.698	17.151.691.409
	TỔNG CỘNG	264.504.491.291	339.586.976.098	326.299.154.003	277.792.313.386

- Tổng Công ty phải trả:

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	CÔNG TY CON	26.051.831.579	41.547.684.792	34.086.377.360	33.513.139.011
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	8.317.912.481	8.606.488.677	7.232.544.289	9.691.856.869
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	8.317.912.481	8.606.488.677	7.232.544.289	9.691.856.869
	Phải trả khác	0	0	0	0
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	7.417.189.446	7.178.565.427	7.840.036.066	6.755.718.807
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	7.417.189.446	7.178.565.427	7.840.036.066	6.755.718.807
	Phải trả khác	0	0	0	0
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	6.045.341.489	4.262.290.501	5.613.814.329	4.693.817.661
	Phải trả khác	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.045.341.489	4.262.290.501	5.613.814.329	4.693.817.661
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	3.342.687.066	7.968.963.330	7.549.633.671	3.762.016.725
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.342.687.066	7.968.963.330	7.549.633.671	3.762.016.725
5	Công ty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	0	260.873.000	260.873.000	0
	Phải trả khác	0	260.873.000	260.873.000	0
6	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An	0	50.270.001	46.214.001	4.056.000
	Phải trả khác	0	50.270.001	46.214.001	4.056.000
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	0	6.814.507.594	3.700.386.835	3.114.120.759
	Phải trả khác	0	533.523.340	533.523.340	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	0	6.280.984.254	3.166.863.495	3.114.120.759
8	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	928.701.097	6.405.726.262	1.842.875.169	5.491.552.190
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	928.701.097	6.405.726.262	1.842.875.169	5.491.552.190
	TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	30.496.216.971	22.196.660.444	32.455.217.578	20.237.659.837
9	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
10	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	6.977.053.196	5.086.738.757	9.756.209.394	2.307.582.559
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.977.053.196	5.086.738.757	9.756.209.394	2.307.582.559
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	6.169.660.500	7.596.623.632	11.024.092.868	2.742.191.264
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.169.660.500	7.596.623.632	11.024.092.868	2.742.191.264
	Phải trả khác	0	0	0	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	14.000.000.000	0	2.700.000.000	11.300.000.000
	Phải trả khác	14.000.000.000		2.700.000.000	11.300.000.000
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.349.503.275	9.444.269.055	8.905.886.316	3.887.886.014
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.349.503.275	9.444.269.055	8.905.886.316	3.887.886.014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	0	69.029.000	69.029.000	0
	Phải trả khác	0	69.029.000	69.029.000	0
	TỔNG CỘNG	56.548.048.550	63.744.345.236	66.541.594.938	53.750.798.848

4- Báo cáo bộ phận:

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, cụ thể như sau:

Công ty con hoạt động trong lĩnh vực Xây lắp:

- Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (VNECO 3): Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng.
- Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (VNECO 4): Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng.
- Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (VNECO 8): Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng.
- Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 12 (VNECO 12): Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng.
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (MÊCA VNECO): Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. Kinh doanh du lịch, khách sạn.
- Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn VNECO (VNECO Tư vấn): Tư vấn đầu tư và xây dựng. Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng.
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO (VNECO Hồi Xuân): Tư vấn xây dựng các dự án thủy điện, các công trình hệ thống mạng lưới và trạm biến áp đến 500kV, các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, viễn thông. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư.

Công ty con hoạt động trong lĩnh vực Khách sạn, Du lịch và Dịch vụ:

- Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO (VNECO Xanh Huế): Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí.
- Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An VNECO (VNECO Nghệ An): Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quý 4 năm 2011	Xây lắp							Khách sạn, Du lịch và Dịch vụ		Công ty Mẹ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VNECO 3	VNECO 4	VNECO 8	VNECO 12	MÊCA VNECO	VNECO Tư Ván	VNECO Hối Xuân	VNECO Xanh Huế	VNECO Xanh Nghệ An			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.939.814.194	30.174.151.767	11.955.075.838	13.091.499.954	3.576.719.961	3.162.397.668	2.404.196.742	16.726.040.197	2.785.678.039	327.787.415.922	(181.021.130.655)	241.581.859.627
Giá vốn hàng bán	8.088.263.343	24.347.033.229	8.955.538.428	11.989.664.904	2.673.874.159	2.901.336.757	2.210.917.451	14.207.126.797	2.277.041.725	226.089.155.899	(130.065.628.884)	173.674.323.808
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.851.550.851	5.827.118.538	2.999.537.410	1.101.835.050	902.845.802	261.060.911	193.279.291	2.518.913.400	508.636.314	101.698.260.023	(50.955.501.771)	67.907.535.819

Lũy kế năm 2011 (từ 01/01/2011 đến 31/12/2011)	Xây lắp							Khách sạn, Du lịch và Dịch vụ		Công ty Mẹ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VNECO 3	VNECO 4	VNECO 8	VNECO 12	MÊCA VNECO	VNECO Tư Ván	VNECO Hối Xuân	VNECO Xanh Huế	VNECO Xanh Nghệ An			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.909.195.621	37.980.605.293	30.680.357.512	28.965.957.953	22.680.013.236	18.122.112.113	2.462.956.418	54.766.174.258	10.027.705.842	531.684.995.772	(221.381.917.824)	532.898.156.194
Giá vốn hàng bán	11.805.228.193	30.702.583.554	23.268.454.330	25.528.951.328	20.475.096.942	14.902.180.086	2.373.934.772	48.317.368.168	8.626.892.419	379.887.336.315	(167.683.550.430)	398.204.475.677
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.103.967.428	7.278.021.739	7.411.903.182	3.437.006.625	2.204.916.294	3.219.932.027	89.021.646	6.448.806.090	1.400.813.423	151.797.659.457	(53.698.367.394)	134.693.680.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2011, VNECO xin giải trình những chỉ tiêu có biến động tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2010:

1- Doanh thu thuần tăng:

Quý 4 năm 2010:	105.286.826.482 đồng
Quý 4 năm 2011:	241.581.859.627 đồng
Tăng :	136.295.033.145 đồng – tương đương 129,45%

Nguyên nhân: Doanh thu thuần tăng 129,45% so với cùng kỳ năm 2010 là do một số công trình xây lắp điện và xây dựng mà Tổng công ty trúng thầu từ quý 2/2011 đã thi công xong một số hạng mục được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu thanh toán.

2- Lợi nhuận gộp tăng:

Quý 4 năm 2010:	22.657.392.343 đồng
Quý 4 năm 2011:	67.907.535.819 đồng
Tăng :	45.250.143.476 đồng – tương đương 199,71%

Nguyên nhân: Do doanh thu thuần tăng 129,45% nhưng giá vốn hàng bán chỉ tăng 91.044.889.669 đồng tương đương 110,18%, vì vậy lợi nhuận gộp Quý 4/2011 tăng so với Quý 4/2010 là 199,71%.

3- Chi phí tài chính tăng:

Quý 4 năm 2010:	23.461.669.676 đồng
Quý 4 năm 2011:	29.347.583.261 đồng
Tăng :	5.885.913.585 đồng – tương đương 25,09%

Nguyên nhân: Do Tổng công ty tiếp tục trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại một số công ty khác có kết quả hoạt động kinh doanh lỗ và một số mã cổ phiếu đầu tư trên sàn Giao dịch chứng khoán tập trung có thị giá giảm so với giá trị đầu tư ban đầu.

Các nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ Quý 4 năm 2011 tăng so với Quý 4 năm 2010 là 39.436.886.698 đồng.

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 02 năm 2012**NGƯỜI LẬP BIỂU****KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****Trần Quang Cần****Phan Anh Quang****Đoàn Đức Hồng**